TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1299/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 08– 10 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Tiên

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đoàn Thế Q, sinh năm 1987; Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, Phường 2, thị xã Q, tỉnh Q; Địa chỉ tạm trú: 234J/18/3T đường P, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 853/4 đường Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Thế Q trình bày:

Vào tháng 04/2017, anh và chị T có quen biết và tìm hiểu nhau. Đến tháng 08/2017 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2017 ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện chị T lừa gạt anh là đang mang thai, chị T sống không có trách nhiệm với gia đình, vay tiền lãi cao của xã hội đen, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do đó anh Q đã sống ly thân với chị T từ tháng 11/2017 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm dành cho chị T không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Đoàn Thế Q có đơn xin vắng mặt với lý do bận công tác nên không thể tham gia phiên tòa được.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ cũng như trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các qui định tại Điều 70,

Điều 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Đoàn Thế Q, án phi sơ thẩm thực hiện theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Đoàn Thế Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T, cư trú tại số 853/4 đường Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2017 ngày 01 tháng 8 năm 2017 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đoàn Thế Q đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Q và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q xác định tình cảm dành cho chị T hiện nay không còn vì giữa hai bên đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn do chị T lừa gạt anh là đang mang thai, chị T sống không có trách nhiệm với gia đình, vay tiền lãi cao của xã hội đen. Chị T không còn yêu thương, tôn trọng và quan tâm đến anh. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của chị T. Tuy

nhiên, trong trường hợp này cho thấy chị T không thực sự có thiện chí đoàn tụ với anh Q. Do đó, xét thấy nếu có tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa anh Q và chị T cũng không thể đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Thế Q là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Anh Q tự khai là không có, tuy nhiên do Tòa án không lấy được lời khai của chị T vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh Q về con chung không có. Nếu sau này có tranh chấp về con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở để chấp nhận.

[3].Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Thế Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thế Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2017 ngày 01 tháng 8 năm 2017 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đoàn Thế Q không còn hiệu lực).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đoàn Thế Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000386 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Q đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang